BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39 /2026/TT-BNNMT	*Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ THỌ
ĐẾN Số: 9940
Ngày: 22/09/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		x
PCT TT L.A.Quân	x	
PCT L.T.Kiên		x
PCT Đ.T.Đức		x
PCT N.M.Hùng		x
PCT T.V.Quân		x
PCT H.M.Cường		x
Q.CVP N.H.Long		x
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn	x	
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT	x	
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

THÔNG TƯ

Quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương.

2. Thông tư này áp dụng đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc tại các vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi theo quy định trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương.

Điều 2. Danh mục vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi

Danh mục vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Thời hạn định kỳ chuyển đổi đối với từng vị trí công tác được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm có hiệu lực của quyết định hoặc văn bản điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ tại vị trí công tác đó, do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Các trường hợp thuộc danh mục vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi đã được phân công làm việc ở vị trí công tác đó trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục theo dõi, tính nối tiếp thời gian giữ vị trí công tác trước đó để rà soát, định kỳ chuyển đổi theo thời hạn quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *02* tháng *11* năm 2026.

2. Thông tư số 21/2022/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại chính quyền địa phương và Thông tư số 01/2023/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tại chính quyền địa phương hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để nghiên cứu, giải quyết theo thẩm quyền./.

BỘ TRƯỞNG

Trịnh Việt Hùng

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;
- Lưu: VT, TCCB.

PHỤ LỤC
DANH MỤC VÀ THỜI HẠN ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Vị trí công tác phải chuyển đổi	Thời hạn chuyển đổi
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất.	Từ đủ 02 năm đến 03 năm
2	Xử lý hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất.	Từ đủ 03 năm đến 04 năm
3	Bán, cho thuê tài sản gắn liền với đất; giao hạn mức đất; quản lý việc áp dụng đền bù, xác định người sử dụng đất thuộc đối tượng bồi thường, được hỗ trợ; mức bồi thường, hỗ trợ trong giải phóng mặt bằng.	Từ đủ 04 năm đến 05 năm
4	Cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án, cơ sở có thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.	Từ đủ 03 năm đến 04 năm
5	Thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.	Từ đủ 03 năm đến 04 năm
6	Cấp giấy phép về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.	Từ đủ 03 năm đến 04 năm
7	Quản lý động vật thuộc danh mục nguy cấp, quý, hiếm.	Từ đủ 04 năm đến 05 năm
8	Kiểm dịch động vật: a) Tham mưu văn bản hướng dẫn về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; b) Cấp Giấy chứng nhận về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; c) Thực hiện kiểm soát giết mổ động vật.	Từ đủ 03 năm đến 04 năm
9	Kiểm lâm: a) Thực hiện nhiệm vụ bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; b) Thực hiện nhiệm vụ về thủ tục hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	Từ đủ 04 năm đến 05 năm

TT	Vị trí công tác phải chuyển đổi	Thời hạn chuyển đổi
10	Kiểm soát thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, bệnh động vật, gia súc, gia cầm.	Từ đủ 03 năm đến 04 năm
11	Cấp phép, giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.	Từ đủ 03 năm đến 04 năm
12	Theo dõi, quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý chất lượng an toàn vệ sinh, thú y, thủy sản: a) Quản lý các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; khu bảo tồn biển; quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; b) Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản; c) Tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản; d) Thẩm định, bổ sung danh sách xuất khẩu đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền quốc gia, vùng lãnh thổ của thị trường nhập khẩu; đ) Thẩm định, chứng nhận an toàn thực phẩm (Chứng thư) cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu; e) Cấp thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu.	Từ đủ 03 năm đến 04 năm